

Số: 80./2022/CIAS
V/v Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ
thường niên năm 2022

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 6 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh
Mã chứng khoán: CIA
Trụ sở chính: Sân bay Quốc tế Cam Ranh, P. Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh, Khánh Hòa
Điện thoại: 0258.6265588
Fax: 0258.6266262

Người thực hiện công bố thông tin: Ông TRẦN XUÂN BÌNH

Chức vụ: Phó Giám đốc

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh, tại địa chỉ www.cias.vn.

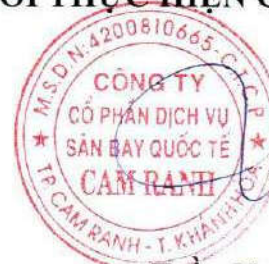
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu gửi kèm: Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và tài liệu đính kèm.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu VT;

**TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Trần Xuân Bình

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

Trụ sở chính: Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200810665, đăng ký lần đầu ngày 14/01/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/12/2019 tại Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

Thời gian và địa điểm họp: Cuộc họp bắt đầu lúc 08h30 ngày 24/6/2022 tại phòng hội nghị, khách sạn Yasaka - Sài Gòn - Nha Trang, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

I. PHẦN THỦ TỤC

1. Khai mạc Đại hội

Ban tổ chức tuyên bố khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Đại hội”) và giới thiệu thành phần dự họp.

2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông và công bố điều kiện tiến hành Đại hội

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông - báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm 08h30 ngày 24/6/2022 (và cập nhật các cổ đông đến sau thời điểm trên) với kết quả như sau:

- Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và thông qua người được ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội là 49 cổ đông, sở hữu và đại diện 14.097.637 cổ phần, tương đương 75,4% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hiện có của Công ty (*Căn cứ danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày 24/5/2022*).
- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và theo Khoản 1, Điều 19, Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo hình thức tham dự trực tiếp hoặc ủy quyền. Vì vậy, Đại hội đã đủ điều kiện tiến hành.

3. Hướng dẫn nguyên tắc và thể lệ biểu quyết tại Đại hội

Ban tổ chức hướng dẫn nguyên tắc và thể lệ biểu quyết tại Đại hội theo quy định pháp

luật và Điều 20 Điều lệ hiện hành của Công ty.

4. Giới thiệu Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm:

- Ông Trương Minh Hoàng – Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội;
- Ông Lý Lâm Duy – Thành viên HĐQT – Thành viên;
- Ông Khổng Minh Dũng – Thành viên HĐQT – Thành viên;
- Ông Phạm Quang Minh – Giám đốc Công ty – Thành viên;
- Bà Nguyễn Thị Lê Hằng – Trưởng Ban kiểm soát – Thành viên.

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

5. Chủ tọa đề cử Ban Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu biểu quyết gồm:

5.1 Ban thư ký Đại hội

- Bà Nguyễn Thị Hiền – Thành viên;
- Bà Trần Thị Tuyết Viên – Thành viên.

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

5.2 Ban Kiểm phiếu biểu quyết đồng thời kiểm phiếu bầu cử gồm:

- Ông Trần Xuân Bình – Trưởng ban;
- Bà Trần Lệ Thu – Thành viên;
- Ông Huỳnh Trần Bảo Toàn – Thành viên;

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

6. Thông qua nội dung chương trình và quy chế tại Đại hội:

6.1 Nội dung chương trình đại hội

Ông Trương Minh Hoàng – Chủ tọa, giới thiệu chương trình Đại hội.

Chủ tọa đề nghị Đại hội thảo luận và thông qua nội dung chương trình Đại hội trước khi chuyển sang nội dung khác.

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

6.2 Quy chế làm việc Đại hội

Ông Lý Lâm Duy – Thành viên HĐQT, giới thiệu quy chế Đại hội. Chủ tọa đề nghị Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua.

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

II. PHẦN TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

1. Ông Phạm Quang Minh – Giám đốc: Trình bày Báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc Công ty năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (Báo cáo số 03/2022/BC-CIAS ngày 02/6/2022)
2. Ông Trương Minh Hoàng – Chủ tịch HĐQT: Trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (Báo cáo số 02/2022/BC-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022).
3. Bà Nguyễn Thị Lê Hằng – Trưởng Ban kiểm soát: Trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (Báo cáo số 01/2022/BC-BKS/CIAS ngày 02/6/2022).
4. Ông Trần Xuân Bình – Phó Giám đốc Công ty: Trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán (Các Báo cáo tài chính kiểm toán được nêu trong Tờ trình số 01/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022 và đã được công bố thông tin trên website Công ty).
5. Ông Khổng Minh Dũng – Thành viên HĐQT: Trình bày Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 (Tờ trình số 02/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022).
6. Ông Khổng Minh Dũng – Thành viên HĐQT: Trình bày Tờ trình thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 (Tờ trình số 03/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022).
7. Ông Lý Lâm Duy – Thành viên HĐQT: Trình bày Tờ trình thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 (Tờ trình số 04/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022).
8. Ông Lý Lâm Duy – Thành viên HĐQT: Trình bày Tờ trình thông qua giao dịch nội bộ



giữa Công ty CIAS và Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG (Công ty ASGA) (Tờ trình số 08/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 21/6/2022).

9. Ông Phạm Quang Minh – Giám đốc Công ty: Trình bày Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ của Công ty (Tờ trình số 06/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022).
10. Ông Phạm Quang Minh – Giám đốc Công ty: Trình bày Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung các Quy chế của Công ty theo quy định mới của pháp luật (Tờ trình số 07/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022).
11. Ông Trương Minh Hoàng – Chủ tịch HĐQT: Trình bày Tờ trình thông qua bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2022-2027 (Tờ trình số 09/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 21/6/2022).

III. TỔ CHỨC BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2022-2027

1. Ông Trần Xuân Bình – Phó Giám đốc Công ty - thay mặt Ban kiểm phiếu trình bày Thể lệ bầu cử HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2022-2027.

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

2. Ông Trương Minh Hoàng xin ý kiến ĐHCĐ về danh sách bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027 theo Tờ trình số 09/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 21/6/2022.

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

3. Ông Trần Xuân Bình – Phó Giám đốc Công ty - hướng dẫn các cổ đông thực hiện bầu cử.

IV. THẢO LUẬN VỀ NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

Các cổ đông thảo luận và nhất trí thông qua nội dung các Báo cáo, Tờ trình trình bày tại Đại hội, không có ý kiến khác.

V. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

1. Báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc Công ty năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (Báo cáo số 03/2022/BC-CIAS ngày 02/6/2022).

202
CƠ
PHÁ
BAI
LM
NH

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
 - Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
 - Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (Báo cáo số 02/2022/BC-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022).

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
 - Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
 - Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%
3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (Báo cáo số 01/2022/BC-BKS/CIAS ngày 02/6/2022).

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
 - Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
 - Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán (Các Báo cáo tài chính kiểm toán được nêu tại Tờ trình số 01/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022).

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
 - Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
 - Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%
5. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 (Tờ trình số 02/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022).

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
 - Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
 - Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%
6. Tờ trình thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 (Tờ trình số 03/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022).

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%

1810
V.G.T
N.D.C
QUỐC
RAI
-T.K

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%
7. Tờ trình thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 (Tờ trình số 04/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022).

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

8. Tờ trình thông qua giao dịch nội bộ giữa Công ty CIAS và Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG (Công ty ASGA) (Tờ trình số 08/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 21/6/2022).

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

Kết quả biểu quyết không bao gồm ý kiến của cổ đông là người có liên quan:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

9. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ của Công ty (Tờ trình số 06/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022).

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

10. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung các Quy chế của Công ty theo quy định của pháp luật (Tờ trình số 07/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022).

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

11. Tờ trình thông qua bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2022-2027 (Tờ trình số 09/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 21/6/2022).

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%

505.
TY
HV
CT
VH
HAW

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

VI. CÔNG BỐ KẾT QUẢ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2022-2027

Ông Trần Xuân Bình thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử:

Tổng số phiếu bầu hợp lệ: 27 phiếu đại diện cho 14.094.669 cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số phiếu bầu không hợp lệ: 0 phiếu.

- Kết quả bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 gồm các ông/bà có tên dưới đây:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Trương Minh Hoàng	14.458.520
2	Lý Lâm Duy	14.168.725
3	Nguyễn Văn Thắng	13.982.165
4	Đông Lương Sơn	13.931.770
5	Khổng Minh Dũng	13.932.165

- Kết quả bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 gồm các ông/bà có tên dưới đây:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Đặng Thị Phương Nga	19.604.527
2	Nguyễn Thị Bích Ngọc	12.358.512
3	Lưu Việt Bắc	10.320.968

Đại hội biểu quyết thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2022-2027:

Kết quả biểu quyết:

- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0%
- Tỷ lệ số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0%

VII. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI:

Biên bản và Nghị quyết được Đại hội thông qua toàn văn tại cuộc họp với tỷ lệ tán thành là 100% số cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội.

Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội vào hồi 12h00 ngày 24/6/2022.

TM. BAN THƯ KÝ



Nguyễn Thị Hiên

CHỦ TỌA



Trương Minh Hoàng

Số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/CIAS

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh đã được thông qua ngày 24/6/2022,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua toàn văn Báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc Công ty năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 theo nội dung Báo cáo số 03/2022/BC-CIAS ngày 02/6/2022 của Giám đốc Công ty.
- Điều 2.** Thông qua toàn văn Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 theo nội dung Báo cáo số 02/2022/BC-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Điều 3.** Thông qua toàn văn Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 theo nội dung Báo cáo số 01/2022/BC-BKS/CIAS ngày 02/6/2022 của Ban kiểm soát.
- Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán theo nội dung Tờ trình số 01/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Điều 5.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 và toàn văn nội dung Tờ trình số 02/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Điều 6.** Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021, phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và toàn văn nội dung Tờ trình số 03/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.



- Điều 7.** Thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2022 và toàn văn nội dung Tờ trình số 04/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Điều 8.** Thông qua giao dịch nội bộ giữa Công ty CIAS và Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG (Công ty ASGA) và toàn văn nội dung Tờ trình số 08/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 21/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Điều 9.** Thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh; sửa đổi Điều lệ của Công ty và toàn văn Tờ trình số 06/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Điều 10.** Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và toàn văn Tờ trình số 07/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Điều 11.** Thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS và toàn văn nội dung Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT/CIAS ngày 21/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Điều 12.** Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

HĐQT Công ty CIAS bao gồm 05 thành viên như sau:

- Ông Trương Minh Hoàng - Thành viên HĐQT
Ông Lý Lâm Duy - Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Thắng - Thành viên HĐQT
Ông Đống Lương Sơn - Thành viên HĐQT
Ông Khổng Minh Dũng - Thành viên HĐQT

BKS Công ty CIAS bao gồm 03 thành viên như sau:

- Bà Đặng Thị Phương Nga - Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thành viên BKS
Ông Lưu Việt Bắc - Thành viên BKS

- Điều 13.** Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Điều 14.** Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện theo Nghị quyết này.

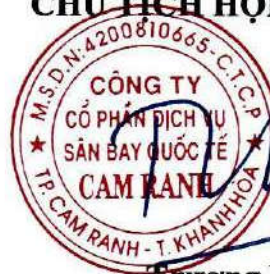
Điều 15. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

(Các Báo cáo, Tờ trình nêu trên được đính kèm Nghị quyết).

Nơi nhận:

- HĐQT; BKS;
- Các cổ đông (qua website);
- Lưu: TK HĐQT, VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trương Minh Hoàng



Số: 03/2022/BC-CIAS

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Giám đốc (GD) Công ty CP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty CIAS) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của công ty năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Tổng quan nền kinh tế

Năm 2021, đại dịch Covid-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi quốc gia trên thế giới. Trong nước, làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế- xã hội. Trong bối cảnh đó, với sự lãnh đạo thống nhất của cả hệ thống chính trị và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ; sự đồng lòng, nhất trí của các cấp, các ngành, các địa phương; sự ủng hộ, chia sẻ và tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế-xã hội nước ta đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2021 ước tính tăng 2,58% so với cùng kỳ năm 2020.

2. Tình hình ngành hàng không, ngành du lịch

Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, thị trường hàng không quốc tế vẫn tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thị trường hàng không trong nước cũng bị ảnh hưởng. Tuy nhiên với sự nỗ lực của các hãng hàng không cùng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không và các cơ quan quản lý... thị trường hàng không Việt Nam đã dần hồi phục những bước đầu tiên vào cuối năm 2021 với việc khai thác trở lại tất cả các đường bay, tăng tần suất phục vụ nhu cầu đi lại an toàn của người dân dịp cuối năm. Trong năm 2021, ngành hàng không Việt Nam đã khai thác hơn 126.280 chuyến bay, trong đó Vietnamairlines dẫn đầu với 49.267 chuyến, xếp thứ hai là Vietjet với 40.676 chuyến, Bamboo xếp thứ ba với 24.823 chuyến và cuối cùng là các hãng Jetstar Pacific, Vietravel,...

Theo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, năm 2021 là năm thứ hai du lịch tiếp tục chịu ảnh hưởng thiệt hại, các chỉ tiêu phát triển du lịch tiếp tục giảm mạnh. Thống kê cho thấy, tính chung năm 2021, khách quốc tế đến Việt Nam ước đạt 157,3 nghìn lượt người, giảm 95,9% so với năm trước; lượng khách du lịch nội địa đạt khoảng 40 triệu lượt; tổng thu từ khách du lịch đạt 180.000 tỷ đồng.

Trước tình hình đó, ngành du lịch đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện “mục tiêu kép,” phục hồi du lịch cả nội địa và quốc tế, thích ứng linh hoạt trong tình hình mới. Tháng



11/2021, những vị khách du lịch quốc tế đầu tiên đã đến Quảng Nam, Phú Quốc và Khánh Hòa theo chương trình thí điểm đón khách quốc tế trở lại Việt Nam sau thời gian dài “đóng băng.”

3. Hoạt động của công ty trong năm 2021

Công ty CIAS với 02 mảng kinh doanh chính bao gồm dịch vụ tiện ích tại sân bay và dịch vụ phục vụ mặt đất hàng không đều gắn liền với ngành hàng không, du lịch. Bởi vậy, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty trong năm qua tiếp tục bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh Covid-19.

- Từ tháng 01/2021 – 06/2021: Tình hình kinh tế, xã hội của Việt Nam tiếp tục gặp nhiều khó khăn vì dịch bệnh Covid-19 bùng phát liên tục vào các thời điểm quan trọng nhất trong năm đó là dịp Tết Nguyên Đán và sau kỳ nghỉ lễ 30/4. Trong thời gian này, sản lượng chuyến bay và hành khách giảm mạnh, có những ngày chỉ có chưa tới 10 chuyến bay tại Sân bay Quốc tế Cam Ranh.
- Từ tháng 6/2021 – 12/2021: Khánh Hòa ghi nhận nhiều ca dương tính, tình hình dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp, nhiều biện pháp hạn chế đi lại đã được chính quyền ban hành. Tháng 8/2021, tỉnh Khánh Hòa nói riêng và nhiều tỉnh thành khu vực miền Nam bị phong tỏa. Do đó, Cảng HKQT Cam Ranh cũng tạm ngừng hoạt động và chỉ được mở lại từ tháng 10/2021. Trong các tháng cuối năm 2021, mặc dù đã bắt đầu mở lại các chuyến bay nhưng vẫn rất hạn chế về số lượng, tỷ lệ lấp đầy chuyến bay rất thấp.

Tại trụ sở chính của Công ty tại Cảng HKQT Cam Ranh, sản lượng chuyến bay và hành khách giảm mạnh so với năm 2020, cụ thể như sau:

Cảng HKQT Cam Ranh	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ tăng/giảm
Tổng lượng hành khách (Lượt)	3.305.057	1.056.535	-68,03%
- Hành khách quốc tế	950.725	22.041	-97,68%
- Hành khách nội địa	2.354.332	1.034.494	-56,06%
Tổng số chuyến bay (Chuyến)	21.955	8.802	-59,91%
- Quốc tế	5.868	132	-97,75%
- Nội địa	16.087	8.670	-46,11%

II. KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Kết quả kinh doanh riêng

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2021	TH 2021	TH2021/ TH2020	TH2021/ KH2021
I	Tổng doanh thu	56.690.065	53.665.159	28.519.802	50,3%	53,1%
II	Tổng chi phí	74.887.335	57.911.288	66.888.621	89,3%	115,5%
III	Lợi nhuận trước thuế	(18.197.270)	(4.246.129)	(38.368.818)	-	-
IV	Lợi nhuận sau thuế	(18.197.270)	(4.246.129)	(30.695.054)	-	-
V	Vốn điều lệ bình quân	197.099.040	197.099.040	197.099.040	100%	100%

2. Kết quả kinh doanh hợp nhất

TT	CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2021	TH 2021	TH2021/ TH2020	TH2021/ KH2021
I	Tổng doanh thu	109.872.527	123.745.930	43.501.540	39,6%	35,2%
II	Tổng chi phí	153.802.345	148.264.947	95.491.076	62,1%	64,4%
III	Lợi nhuận trước thuế	(43.929.817)	(24.519.017)	(51.989.536)	-	-
IV	Lợi nhuận sau thuế	(46.994.680)	(24.675.017)	(50.406.992)	-	-

Đầu năm 2020, Nhà ga quốc tế tại Cảng HKQT Cam Ranh vẫn còn hoạt động, dịch vụ mặt đất hàng không do Công ty AGS đảm nhiệm vẫn còn phục vụ một số hãng hàng không quốc tế. Từ 04/2020, Nhà ga quốc tế ngừng hoạt động dẫn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty AGS giảm mạnh và kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021 giảm sâu.

Tình hình dịch bệnh năm 2021 không khả quan như dự đoán trước đó. Tại Khánh Hòa, tình trạng dịch bệnh thậm chí nghiêm trọng và căng thẳng hơn năm 2020. Do đó, doanh thu năm 2021 của công ty giảm mạnh trong khi vẫn phải duy trì nhiều khoản chi phí như: Chi phí tài chính, chi phí nhân sự, chi phí giá vốn, chi phí đầu tư sửa chữa. Vì vậy, kết quả kinh doanh hợp nhất lỗ hơn so với năm 2020 và kế hoạch đề ra.

3. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Nhóm chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Cơ cấu tài sản	TSLĐ/TTS	52,5%	47,3%
	TSCĐ/TTS	32,6%	34,1%
Cơ cấu vốn	Nợ/VCSH	0,29	0,29
	Nợ/TTS	0,22	0,22
	Nợ NH/TTS	0,19	0,18
	Nợ DH/TTS	0,03	0,04
Khả năng thanh toán	Hệ số thanh toán hiện hành	2,8	2,6
	Hệ số thanh toán nhanh	2,7	2,4

Năm 2021, công ty vẫn duy trì năng lực tài chính lành mạnh, hệ số thanh toán nhanh là 2,4 đảm bảo khả năng thanh toán tốt. Mặc dù chịu áp lực từ dòng tiền do hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh, công ty vẫn duy trì tỷ lệ đòn bẩy ở ngưỡng an toàn.

4. Những kết quả công ty đã đạt được

Năm 2021, Ban giám đốc công ty thận trọng bám sát diễn biến thị trường, thường xuyên trao đổi, xin ý kiến HĐQT nhằm đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời. Ban giám đốc tiếp tục áp dụng chính sách phù hợp về nhân sự, kinh doanh giúp công ty duy trì hoạt động ổn định, tiết giảm tối đa chi phí, tránh lãng phí nguồn lực. Đồng thời, Ban giám đốc chỉ đạo thực hiện cải tạo, mở rộng, nâng cấp phòng C, nhà hàng, quầy kệ, ... nhằm chuẩn bị cơ sở vật chất tốt hơn sẵn sàng phục vụ du khách ngay khi thị trường hoạt động sôi động trở lại.

Một số kết quả công ty đạt được năm 2021:

- Mở rộng và cải tạo các phòng khách hạng thương gia, nhà hàng và cửa hàng bán lẻ: The Champ Res, Yen Res, Tổ hợp Yen Res, Yen Res Chu Lai,...

- Triển khai các chương trình khuyến mãi, marketing như: Tết Nguyên đán, Quốc tế phụ nữ, 30/4 và 01/5,...
- Phát hành thẻ thành viên của phòng C, tạo tiền đề để xây dựng hệ sinh thái của CIAS.
- Triển khai dịch vụ mới: Fast Track - dịch vụ làm thủ tục nhanh tại SB quốc tế Cam Ranh.
- Xây dựng website thương mại điện tử cho phòng khách hạng thương gia www.lounge.cias.vn.
- Cắt giảm chi phí: Chi phí nhân sự, hàng tồn kho, ...
- Ngừng hoạt động kinh doanh nhà hàng Yen Restaurant tại Nhà ga quốc nội, Cảng HKQT Đà Nẵng từ ngày 15/07/2021, do hoạt động kinh doanh không hiệu quả.

Ngoài ra, công ty cố gắng đảm bảo đời sống cho toàn thể CBNV trong bối cảnh dịch bệnh đang hoành hành, đồng hành cùng CBNV vượt qua giai đoạn khó khăn.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2022

1. Phương hướng và giải pháp thực hiện

Căn cứ theo định hướng của HĐQT và việc xác định rõ tình hình thị trường trong thời gian tới, Ban Giám đốc đưa ra kế hoạch thực hiện như sau:

- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí, cắt giảm những chi phí không thực sự cần thiết.
- Tiếp tục nghiên cứu, đưa ra các chương trình khuyến mãi nhằm thu hút các hành khách qua Cảng.
- Làm việc với các công ty tour, doanh nghiệp liên quan đến du lịch, các công ty bán vé máy bay để hợp tác trên các dịch vụ của CIAS.
- Nâng cao hình ảnh, chất lượng dịch vụ: nâng cấp các quầy hàng, mua xe mới để thay thế các xe cũ, nâng cao chất lượng nhân viên phục vụ, ...
- Rà soát nhân sự, điều chỉnh giờ làm trong thời gian bị ảnh hưởng của dịch bệnh vừa giúp giảm chi phí nhưng vẫn đảm bảo vận hành của các đơn vị.
- Thực hiện chính sách nội bộ giúp Cán bộ, nhân viên bán hàng nâng cao thu nhập.
- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội mở rộng kinh doanh tại các Cảng hàng không khác trên khắp cả nước.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Chỉ tiêu kế hoạch SXKD riêng năm 2022

ĐVT: 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	TH2021	KH2022	KH2022/TH2021
1	Tổng doanh thu	28.519.802	64.903.802	227,57%
2	Tổng chi phí	66.888.621	71.672.902	107,15%
3	Lợi nhuận trước thuế	(38.368.818)	(6.769.100)	17,64%
3.1	Lợi nhuận trước thuế chưa TLDP tài chính	(8.372.609)	42.261	
3.2	Lợi nhuận trước thuế đã bao gồm TLDP tài chính	(38.368.818)	(6.769.100)	17,64%
4	Lợi nhuận sau thuế	(30.695.054)	(6.769.100)	22,05%

05.
 H V
 C T
 H
 H A N H

Chỉ tiêu kế hoạch SXKD hợp nhất năm 2022

DVT: 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	TH2021	KH2022	KH2022/TH2021
1	Tổng doanh thu	43.501.540	155.800.829	358,1%
2	Tổng chi phí	95.491.076	165.210.356	173,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	(51.989.536)	(9.409.528)	18,10%
4	Lợi nhuận sau thuế	(50.406.992)	(9.485.128)	18,82%

3. Kế hoạch đầu tư năm 2022

Kế hoạch đầu tư tại Công ty mẹ

DVT: 1.000 đồng

TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	TH2021	KH2022	KH2022/ TH2021	GHI CHÚ
1	Cải tạo, sửa chữa bảo dưỡng các quầy kệ hiện có và đầu tư lắp đặt mới quầy kệ tại các sân bay mới	3.235.366	8.065.400	249%	
2	Chuyển tiếp đầu tư từ 2021: Dự án nhà ga hàng hóa và khu xử lý hàng hóa bưu kiện Giai đoạn 1	-	64.416.350	-	Chuyển tiếp đầu tư
3	Dự phòng đầu tư (5%)	-	3.624.087	-	
	Tổng kế hoạch đầu tư	3.235.366	76.105.837	2352%	

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch phát triển năm 2022 của Công ty CP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: TK HĐQT, VT.



Phạm Quang Minh

Số: 02/2022/BC-HĐQT/CIAS

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (CIAS) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 như sau:

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 05 năm từ 2017 đến 2022 gồm 05 thành viên được bầu tại Đại hội đồng cổ đông ngày 09/3/2017. Cơ cấu thành viên và việc phân công nhiệm vụ của HĐQT không có gì thay đổi trong năm 2021.

Danh sách HĐQT và tỷ lệ sở hữu cổ phần tính đến hết ngày 31/12/2021

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
1	Ông Trương Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	548.626	2,78%
2	Ông Đồng Lương Sơn	Thành viên HĐQT	196.912	1,00%
3	Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên HĐQT	42.675	0,22%
4	Ông Lý Lâm Duy	Thành viên HĐQT	59.812	0,30%
5	Ông Khổng Minh Dũng	Thành viên HĐQT	105.151	0,53%

Hiện tại, các thành viên HĐQT đều không tham gia quản lý điều hành sản xuất kinh doanh tại công ty.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021

Để thực hiện nhiệm vụ được giao tại Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã triển khai các hoạt động theo quy định của Điều lệ công ty, tuân thủ Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã tổ chức 15 phiên họp chính thức và lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp đều được tổ chức theo đúng quy định và có sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng.

Trong năm 2021, HĐQT đã ban hành 22 nghị quyết/quyết định về các vấn đề như:

- Liên quan đến cơ cấu tổ chức, nhân sự, quỹ lương
- Liên quan đến đầu tư góp vốn, đầu tư tài chính và các hoạt động đầu tư khác
- Liên quan đến hoạt động phát triển kinh doanh

Thông tin về ngày họp, danh sách thành viên tham dự, nội dung và nghị quyết/quyết định các kỳ họp đã được công bố thông tin chi tiết trong “Báo cáo quản trị công ty năm 2021” đăng tải trên website: www.cias.vn

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trương Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	15/15	100%	
2	Ông Đồng Lương Sơn	Thành viên HĐQT	15/15	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên HĐQT	15/15	100%	
4	Ông Lý Lâm Duy	Thành viên HĐQT	15/15	100%	
5	Ông Khổng Minh Dũng	Thành viên HĐQT	15/15	100%	

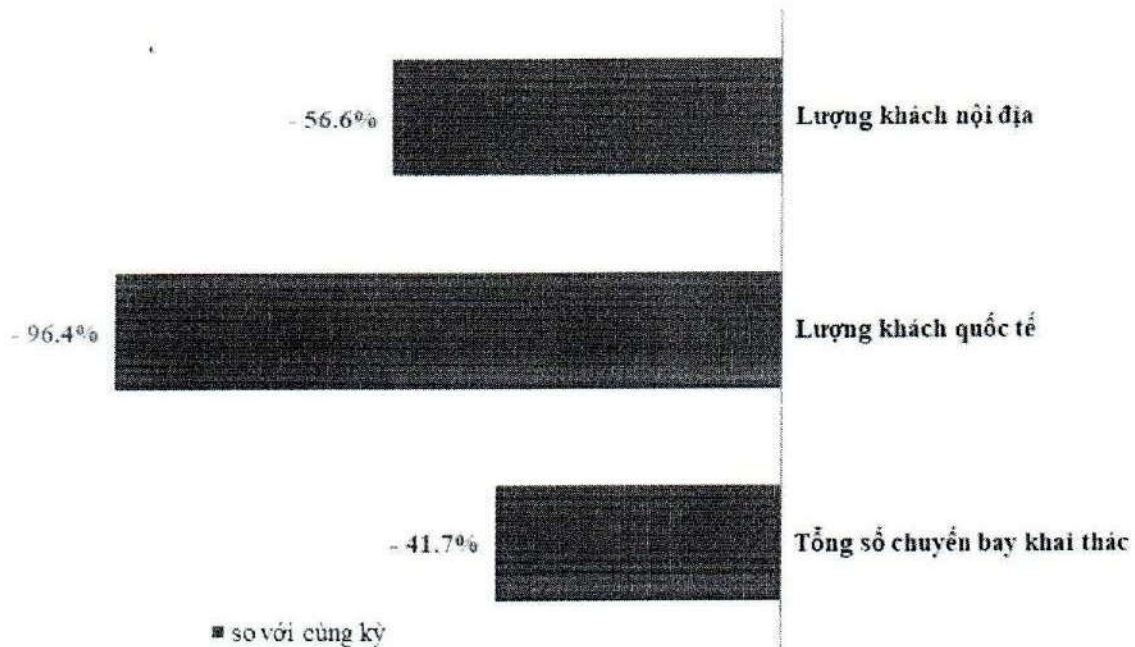
3. Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Công ty

Với sứ mệnh tạo ra và phát triển chuỗi dịch vụ phục vụ hàng không chuyên nghiệp, tiện ích với tiêu chuẩn quốc tế và sự tận tâm vì khách hàng. Công ty CIAS đã không ngừng cải tiến, đổi mới để hoàn thiện bộ máy hoạt động nâng cao năng lực quản trị, nâng cao chất lượng dịch vụ. Bên cạnh đó, công ty cũng triển khai nhiều hoạt động nhằm mở rộng thị trường, phát triển kinh doanh. Đánh giá các hoạt động của công ty trong năm qua, như sau:

Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2021 là năm thứ hai thế giới phải đối phó với dịch bệnh Covid-19, do đợt bùng phát lần thứ 3 ngay dịp Tết Nguyên Đán vào tháng 01/2021 và đợt bùng phát lần thứ 4 vào mùa cao điểm hè 2021 với những biện pháp giãn cách nhằm ngăn chặn dịch bệnh tại nhiều tỉnh thành trên cả nước đã khiến ngành hàng không Việt Nam rơi vào trạng thái khủng hoảng nghiêm trọng trong nhiều năm qua.

Bức tranh thị trường ngành hàng không Việt Nam trong năm 2021 tiếp tục duy trì gam màu xám:



Còn đối với ngành du lịch, đây là năm thứ hai tiếp tục chịu ảnh hưởng thiệt hại, các chỉ tiêu phát triển du lịch tiếp tục giảm mạnh. Các doanh nghiệp lữ hành rơi vào bế tắc, 90-95% dừng hoạt động; chuyển ngành nghề, đổi mô hình kinh doanh, cắt giảm nhân sự...

Công ty CIAS là đơn vị gắn liền các hoạt động kinh doanh với 2 lĩnh vực trên, do đó, năm 2021 là năm thua lỗ thứ hai liên tiếp của công ty. Công ty đang phải chịu rất nhiều áp lực để duy trì hoạt động và đảm bảo đời sống cho toàn thể CBNV. Hai mảng kinh doanh chính của công ty là dịch vụ tiện ích tại sân bay, dịch vụ phục vụ mặt đất hàng không đều tiếp tục giảm mạnh trong năm 2021.

Trong bối cảnh khó khăn hiện nay, Ban lãnh đạo công ty luôn theo dõi sát tình hình để đưa ra những quyết sách kịp thời và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế.

Kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2021:

Kết quả kinh doanh riêng

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2021	TH 2021	TH2021/ TH2020	TH2021/ KH2021
I	Tổng doanh thu	56.690.065	53.665.159	28.519.802	50,3%	53,1%
II	Tổng chi phí	74.887.335	57.911.288	66.888.621	89,3%	115,5%
III	Lợi nhuận trước thuế	(18.197.270)	(4.246.129)	(38.368.818)	-	-
IV	Lợi nhuận sau thuế	(18.197.270)	(4.246.129)	(30.695.054)	-	-
V	Vốn điều lệ bình quân	197.099.040	197.099.040	197.099.040	100%	100%

Kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2021	TH 2021	TH2021/ TH2020	TH2021/ KH2021
I	Tổng doanh thu	109.872.527	123.745.930	43.501.540	39,6%	35,2%
II	Tổng chi phí	153.802.345	148.264.947	95.491.076	62,1%	64,4%
III	Lợi nhuận trước thuế	(43.929.817)	(24.519.017)	(51.989.536)	-	-
IV	Lợi nhuận sau thuế	(46.994.680)	(24.675.017)	(50.406.992)	-	-

Về hoạt động đầu tư, triển khai dự án

Do ảnh hưởng của dịch bệnh, công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư cũng như triển khai các dự án. Do đó, kế hoạch đầu tư của công ty không thực hiện được theo như kế hoạch đã trình ĐHĐCĐ phê duyệt. Trong năm 2021, Công ty CIAS đã triển khai một số hạng mục đầu tư để mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực phục vụ, chủ yếu là đầu tư nâng cấp hệ thống quầy kệ hiện có và thay thế phương tiện cũ. Tổng số tiền giải ngân đầu tư trong năm là: ~ 3 tỷ đồng, tỷ lệ thực hiện đạt 3,9% so với kế hoạch.

Về công tác quản trị

Năm 2021, CIAS đã thực hiện tốt các quy định về quản trị đối với công ty niêm yết như:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định, thực hiện đúng các quy định tại điều lệ, quy chế đại hội
- Tổ chức các phiên họp HĐQT theo đúng quy định, tuân thủ pháp luật
- Thực hiện công bố thông tin đúng hạn các nội dung: báo cáo tài chính, báo cáo quản trị... Việc công bố thông tin đã được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời tới các cơ quan quản lý nhà nước, cổ đông.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật

4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Ban Giám đốc đã chủ động đề kịp thời đưa ra phương án ứng phó, huy động tối đa và sử dụng hiệu quả nguồn vốn để đầu tư mua sắm, cải tạo cơ sở vật chất và tìm kiếm cơ hội mở rộng quy mô hoạt động.

Ngoài ra, Ban Giám đốc và các phòng ban tham mưu luôn theo dõi sát sao tình hình diễn biến thị trường, thường xuyên phân tích đánh giá để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp trong bối cảnh như hiện nay.

Trên cơ sở định hướng chỉ đạo của HĐQT, Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021. Cụ thể như sau:

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT; tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ CIAS và các văn bản quản lý nội bộ khác.
- Phối hợp cùng các cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác phòng chống dịch bệnh

- Thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động SXKD (định kỳ và theo yêu cầu), tình hình đầu tư các dự án, tập trung phân tích đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp trình đề HĐQT kịp thời đưa ra các quyết định hiệu quả thuộc thẩm quyền.
- Phối hợp chặt chẽ với BKS, tiếp nhận các ý kiến đóng góp và khuyến nghị của BKS với tinh thần cầu thị.
- Công tác điều hành đáp ứng quy mô hoạt động của CIAS và phù hợp với tình hình thực tiễn trên thị trường

5. Tình hình cổ phiếu CIA

- Kể từ cuối năm 2019, sự xuất hiện và nhanh chóng lây lan của dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực, nghiêm trọng tới nền kinh tế, thị trường toàn cầu nói chung và ngành du lịch, hàng không của Việt Nam nói riêng. Công ty AGS thuộc nhóm các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng tiêu cực, nặng nề nhất của đại dịch Covid-19. Tình hình hoạt động, tài chính, dòng tiền, khả năng thanh toán của Công ty AGS luôn trong tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng, kết quả kinh doanh sụt giảm liên tục.
- Theo báo cáo Tình hình hoạt động sản xuất tại Công ty AGS, kết quả kinh doanh của công ty AGS năm 2021 lỗ 41,4 tỷ đồng, đưa Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 xuống âm 53,2 tỷ đồng, đồng thời gây sụt giảm Vốn chủ sở hữu chỉ còn 16,1 tỷ đồng. Do đó, Công ty AGS luôn chịu áp lực rất lớn về dòng tiền để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, kết quả kinh doanh của Công ty AGS còn gây ảnh hưởng rất lớn tới kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty CIAS trong những năm vừa qua, khiến cổ phiếu CIA bị đưa vào diện “**Chứng khoán bị cảnh báo**” và “**Chứng khoán bị kiểm soát**” cũng như có khả năng bị tạm ngừng giao dịch nếu kết quả kinh doanh năm 2022 tiếp tục thua lỗ.

6. Định hướng phát triển năm 2022

Nhằm tháo gỡ khó khăn để khôi phục lại nền kinh tế, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP về Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” đã tạo nhiều điều kiện để ngành hàng không và du lịch từng bước phục hồi. Một số địa phương đã phép thực hiện thí điểm đón khách quốc tế theo chương trình “hộ chiếu vaccine”. Kể từ tháng 11/2021, đường bay quốc tế đã được phép khai thác trở lại. Đây đều là những tín hiệu tích cực cho thấy dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế nói chung cũng như ngành hàng không, ngành du lịch nói riêng.

Với những tín hiệu kể trên, chúng tôi đánh giá năm 2022 sẽ lạc quan đối với hoạt động kinh doanh của công ty, HĐQT đưa ra một số định hướng quan trọng như sau:

- Tiếp tục phối hợp cùng các cơ quan chức năng và địa phương trong việc phòng chống dịch bệnh với mục tiêu là ngăn chặn dịch bệnh bùng phát, lây nhiễm trong cộng đồng;
- Tập trung vào các biện pháp thắt chặt, tiết giảm tối đa chi phí, đặc biệt là các chi phí nhân công, nguyên vật liệu... phù hợp với tình hình thị trường;
- Xây dựng kế hoạch và sắp xếp bố trí nhân sự tại các địa bàn kinh doanh hợp lý;
- Nắm bắt thời cơ và đẩy mạnh tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới;
- Công ty cần dự phòng và chuẩn bị các nguồn lực để có thể ứng phó trong trường hợp dịch bệnh còn kéo dài;

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

- **Chỉ tiêu kế hoạch SXKD riêng năm 2022**

ĐVT: 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	TH2021	KH2022	KH2022/TH2021
1	Tổng doanh thu	28.519.802	64.903.802	227,57%
2	Tổng chi phí	66.888.621	71.672.902	107,15%
3	Lợi nhuận trước thuế	(38.368.818)	(6.769.100)	17,64%
3.1	Lợi nhuận trước thuế chưa TLDP tài chính	(8.372.609)	42.261	
3.2	Lợi nhuận trước thuế đã bao gồm TLDP tài chính	(38.368.818)	(6.769.100)	17,64%
4	Lợi nhuận sau thuế	(30.695.054)	(6.769.100)	22,05%

- **Chỉ tiêu kế hoạch SXKD hợp nhất năm 2022**

ĐVT: 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	TH2021	KH2022	KH2022/TH2021
1	Tổng Doanh thu	43.501.540	155.800.829	358,1%
2	Tổng chi phí	95.491.076	165.210.356	173,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	(51.989.536)	(9.409.528)	18,10%
4	Lợi nhuận sau thuế	(50.406.992)	(9.485.128)	18,82%

- **Kế hoạch đầu tư năm 2022 tại Công ty mẹ**

ĐVT: 1.000 đồng

TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	TH2021	KH2022	KH2022/TH2021	GHI CHÚ
1	Cải tạo, sửa chữa bảo dưỡng các quầy kệ hiện có và đầu tư lắp đặt mới quầy kệ tại các sân bay mới	3.235.366	8.065.400	249%	
2	Chuyển tiếp đầu tư từ 2021: Dự án nhà ga hàng hóa và khu xử lý hàng hóa bưu kiện Giai đoạn 1	-	64.416.350	-	Chuyển tiếp đầu tư
3	Dự phòng đầu tư (5%)	-	3.624.087	-	
	Tổng kế hoạch đầu tư	3.235.366	76.105.837	2352%	

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2021 và định hướng phát triển năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh. Thay mặt HĐQT, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và toàn thể CBNV đã đồng hành cùng công ty trong thời gian qua

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ; *
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: TK HĐQT, VT

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trương Minh Hoàng



Số: 01/2022/BC-BKS/CIAS

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 6 năm 2022



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty CIAS);
- Chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Công ty CIAS;
- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty CIAS được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công tác kiểm soát, thẩm định thực tế công tác điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty,

Ban kiểm soát Công ty CIAS trân trọng báo cáo ĐHCĐ kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2021 gồm những nội dung chính như sau:

- Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021;
- Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát;
- Kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát năm 2022.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lê Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	Được bầu ngày 09/3/2017
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	Được bầu ngày 09/3/2017
Ông Nguyễn Việt Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát	Được bầu ngày 19/8/2017

Trong năm 2021, trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt, Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát việc tuân

thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong việc quản lý điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

1. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT), Giám đốc Công ty.
2. Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Giám đốc trong năm 2021 căn cứ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
3. Tham gia đóng góp ý kiến, nêu các kiến nghị với HĐQT, Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
4. Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 HĐQT và Giám đốc Công ty.
5. Giám sát việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
6. Giám sát việc quản lý, điều hành Giám đốc Công ty.
7. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và tuân thủ trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
8. Thẩm định các Báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty và biên bản kiểm toán của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
9. Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật bao gồm các nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ công bố thông tin.

II. KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. **Đánh giá chung về tình hình hoạt động kinh doanh và công tác kế toán của Công ty năm 2021**
 - 1.1 Năm 2021, đại dịch Covid-19 tiếp tục hoành hành tại Việt Nam và trên thế giới. Ngành hàng không và du lịch gánh chịu những ảnh hưởng nghiêm trọng. Sản lượng chuyến bay và hành khách tại các sân bay trên cả nước cũng như sân bay Cam Ranh giảm mạnh, có thời điểm sân bay Cam Ranh tạm ngưng hoạt động dẫn đến hoạt động kinh doanh của Công ty CIAS và các đơn vị trực thuộc gặp nhiều khó khăn.
 - 1.2 Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT được triển khai đầy đủ, nghiêm túc, bám sát tình hình thực tế và được ghi thành biên bản, tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - 1.3 Trong năm 2021, một số nội dung chính đã được HĐQT nhất trí thông qua như sau:
 - Chi trả cổ tức năm 2019;

20
C.C
PH.
B/
M.
/M/

- Chốt danh sách cổ đông tham dự và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Phê duyệt nội dung báo cáo sản xuất kinh doanh, tình hình nhân sự, định biên nhân sự, quỹ lương năm 2021 của Giám đốc Công ty;
- Bổ nhiệm, thay đổi nhân sự phụ trách quản trị công ty, nhân sự phụ trách kiểm toán nội bộ;
- Sửa đổi quy chế công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính giai đoạn 2021-2023;
- Tạm dừng kinh doanh chi nhánh Đà Nẵng;
- Phê duyệt phương án chi trả lương 06 tháng cuối năm 2021;
- Phê duyệt phương án và thực hiện bán cổ phiếu quỹ;
- Phê duyệt một số giao dịch nội bộ và gia hạn khoản cho vay.

1.4 Các quyết định của HĐQT, Giám đốc Công ty ban hành đúng trình tự quy định, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

1.5 Công ty đã chấp hành nghiêm túc các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán và các quy định của pháp luật trong công tác hạch toán kế toán. Công ty chấp hành nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước theo quy định. Công tác lập báo cáo tài chính quý, soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 được thực hiện và công bố thông tin đúng theo quy định của pháp luật. Năm 2021, BCTC riêng và BCTC hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC với kết quả kiểm toán chấp nhận toàn phần.

2. Tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm riêng (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành.

Các chỉ tiêu tài chính trọng yếu tại ngày 31/12/2021 như sau:

2.1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng 1 – Bảng cân đối kế toán hợp nhất

(Đơn vị: đồng)

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020
Tổng tài sản	331.572.837.224	408.256.937.850
A. Tài sản ngắn hạn	156.816.904.222	214.395.150.487
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	23.294.057.128	66.352.935.659
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	59.594.699.793	59.749.210.919
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	61.530.409.113	80.259.456.949
4. Hàng tồn kho	10.463.081.856	5.374.803.519
5. Tài sản ngắn hạn khác	1.934.656.332	2.658.743.441
B. Tài sản dài hạn	174.755.933.002	193.861.787.363
1. Tài sản cố định	113.141.612.892	132.995.615.738
2. Tài sản dở dang dài hạn	1.865.147.153	1.865.147.153
3. Đầu tư tài chính dài hạn	47.387.965.598	51.011.935.410
4. Tài sản dài hạn khác	12.361.207.359	7.989.089.062
Tổng nguồn vốn	331.572.837.224	408.256.937.850
A. Nợ phải trả	74.044.144.224	90.771.503.242
1. Nợ ngắn hạn	61.135.291.512	77.849.228.273
2. Nợ dài hạn	12.908.852.712	12.922.274.969
B. Nguồn vốn CSH	257.528.693.000	317.485.434.608

2.2. Bảng kết quả kinh doanh

Bảng 2 – Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD riêng năm 2021

ĐVT: 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2021	TH 2021	TH2021/ TH2020	TH 2021/ KH2021
I	Tổng doanh thu	56.690.065	53.665.159	28.519.802	50,3%	53,1%
II	Tổng chi phí	74.887.335	57.911.288	66.888.621	89,3%	115,5%
III	Lợi nhuận trước thuế	(18.197.270)	(4.246.129)	(38.368.818)	-	-
IV	Lợi nhuận sau thuế	(18.197.270)	(4.246.129)	(30.695.054)	-	-
V	Vốn điều lệ bình quân	197.099.040	197.099.040	197.099.040	100%	100%

Bảng 3 – Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD hợp nhất năm 2021

DVT: 1.000 đồng

TT	CHI TIÊU	TH 2020	KH 2021	TH 2021	TH2021/ TH2020	TH2021/ KH2021
I	Tổng doanh thu	109.872.527	123.745.930	43.501.540	39,6%	35,2%
II	Tổng chi phí	153.802.345	148.264.947	95.491.076	62,1%	64,4%
III	Lợi nhuận trước thuế	(43.929.817)	(24.519.017)	(51.989.536)	-	-
IV	Lợi nhuận sau thuế	(46.994.680)	(24.675.017)	(50.406.992)	-	-

2.3. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính năm 2021

Năm 2021 là năm thứ hai liên tiếp các doanh nghiệp trong ngành hàng không như CIAS phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn do dịch bệnh kéo dài. Do vậy, doanh thu và lợi nhuận của Công ty mẹ CIAS cũng như các công ty con bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Doanh thu của công ty mẹ và doanh thu hợp nhất thực hiện năm 2021 chỉ đạt lần lượt 53,1% và 35,2% so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 phê duyệt. Kết quả kinh doanh của riêng CIAS cũng như hợp nhất năm 2021 bị lỗ và không đạt kế hoạch đề ra do dịch Covid-19 chưa có chuyển biến tích cực trong năm 2021 như dự đoán, thậm chí diễn biến phức tạp và nặng nề hơn do sự lây lan nhanh chóng của biến thể mới.

3. Công tác quản trị và điều hành

3.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT bao gồm 05 thành viên, đủ cơ cấu để hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 15 (mười lăm) cuộc họp trong đó 01 (một) cuộc họp trực tiếp và 14 (mười bốn) cuộc họp thông qua hình thức gửi thư xin ý kiến. HĐQT thông qua 22 (hai mươi hai) Nghị quyết và Quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- HĐQT chỉ đạo thực hiện báo cáo, công bố thông tin đúng quy định.
- HĐQT Công ty CIAS đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, tổ chức nhân sự theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty CIAS.
- HĐQT đã thực hiện đúng vai trò chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành của Giám đốc nhằm tháo gỡ các khó khăn, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, duy trì bộ máy điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, tổ chức họp tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, Quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Năm 2021 không có bất thường trong hoạt động của HĐQT. Ban Kiểm soát thống nhất với nội dung báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

3.2 Hoạt động của Giám đốc Công ty

- Giám đốc đã triển khai, chỉ đạo các phòng, bộ phận chức năng phối hợp thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và tích cực điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty; Thực hiện rà soát, sắp xếp, kiện toàn công tác nhân sự ở cả trụ sở chính và các chi nhánh, điểm kinh doanh nhằm bố trí nhân sự hợp lý trước tình hình diễn biến của dịch bệnh Covid-19.
 - Giám đốc Công ty duy trì lịch họp giao ban hàng tháng, họp bất thường khi có vấn đề phát sinh, kịp thời đưa ra các giải pháp để tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động SXKD.
- 4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT và Giám đốc Công ty**
- HĐQT và Giám đốc Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình. Các phòng, bộ phận nghiệp vụ của Công ty cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và cử cán bộ nhân viên làm việc với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu.
 - Giữa Ban Kiểm soát, HĐQT và Giám đốc Công ty có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Các ý kiến của Ban Kiểm soát đều được HĐQT, Giám đốc Công ty ghi nhận trong quá trình triển khai thực tế.

III. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tổng hợp tại Tờ trình quyết toán thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021 do HĐQT trình bày. Thù lao và chi phí thực hiện theo đúng quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và trong hạn mức đã được ĐHCĐ phê duyệt.

IV. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON

Trong năm 2021, Công ty CIAS thực hiện giao dịch với các công ty con bao gồm: Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không, Công ty TNHH Thương mại Hàng không Cam Ranh, Công ty Cổ phần Miễn thuế Cửa khẩu Quốc tế IDF. Các giao dịch thuộc thẩm quyền HĐQT phê duyệt và đã công bố thông tin theo quy định.

V. CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Dịch bệnh tiếp tục kéo dài cả năm 2021. Khánh Hòa là một trong số các địa phương bị ảnh hưởng nặng nề, phải áp dụng các biện pháp phong tỏa, cách ly trong thời gian dài. Do vậy, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty phải đối mặt với những thách thức chưa từng có. Trong tình hình đó, HĐQT và Ban Giám đốc đã tích cực, chủ động thực hiện nhiều chủ trương và giải pháp nhằm ứng phó với tình hình thị trường để duy trì hoạt động ổn định của công ty.
- Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát kiến nghị HĐQT và Giám đốc Công ty tiếp tục nâng cao công tác quản trị và điều hành, tạo điều kiện tối đa phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ nhân viên, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho cổ đông và Công ty; Chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, linh hoạt trong việc thay thế, điều chỉnh mặt hàng kinh doanh, phương thức kinh doanh phù hợp với nhu cầu của khách hàng và xu thế phát triển của các lĩnh vực kinh doanh.

VI. KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông, cụ thể:

1. Tiếp tục tổ chức bộ máy Ban Kiểm soát làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
2. Thường xuyên giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, nhất là kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2022 sau khi được ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt và việc chấp hành các quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
3. Sắt sảo trong việc giám sát công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của HĐQT, Giám đốc Công ty và đưa ra các đề xuất, kiến nghị (nếu thấy cần thiết).
4. Thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên, năm. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý và hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
5. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong thời gian từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đến nay đệ trình ĐHĐCĐ Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: TK HĐQT, VT

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Lê Hằng

Số: 01/2022/TTr-HĐQT/CIAS

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021
đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh;
- Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

Một số chỉ tiêu cơ bản kết quả sản xuất kinh doanh trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 như sau:

(Đơn vị tính: đồng)

STT	CHỈ TIÊU	BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
1	Tổng doanh thu	28.519.802.460	43.501.540.199
2	Tổng chi phí	66.888.620.243	95.491.075.889
3	Lợi nhuận trước thuế	(38.368.817.783)	(51.989.535.690)
4	Lợi nhuận sau thuế	(30.695.054.226)	(50.406.991.585)
5	Vốn điều lệ bình quân	197.099.040.000	197.099.040.000

(Chi tiết Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán đã được công bố thông tin trên website: www.cias.vn)

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: TK HĐQT, VT.



Trương Minh Hoàng

Số: 02/2022/TTr-HĐQT/CIAS

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty CIAS) ;
- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh;
- Tình hình thực tế của Công ty CIAS,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	GHI CHÚ
1	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	(10.317.816.464)	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	(30.695.054.226)	
3	Tổng lợi nhuận dùng để phân phối	(41.012.870.690)	
4	Kế hoạch phân phối lợi nhuận	Không phân phối	
5	Lợi nhuận còn lại	(41.012.870.690)	

II. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính đề nghị ĐHĐCĐ phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm 2021 là: (41.012.870.690) đồng, do vậy năm 2021 không phân phối lợi nhuận, số lỗ trên sẽ được chuyển lỗ qua năm 2022 và các năm tiếp theo quy định.

III. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

1. Chi trả cổ tức năm 2022 dự kiến: Không chi trả, lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2022 sẽ để bù đắp khoản lỗ của năm tài chính 2020 và 2021.
2. Các khoản khác trích theo lợi nhuận: Căn cứ theo tình hình thực tế, HĐQT sẽ đề xuất và trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: TK HĐQT, VT.



Trương Minh Hoàng



Số: 03/2022/TTTr-HĐQT/CIAS

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và
phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty CIAS);
- Tình hình thực tế của Công ty CIAS,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2021 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 như sau:

I. Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021:

Căn cứ hiệu quả kinh doanh năm 2021, HĐQT đề xuất quyết toán mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 cụ thể như sau:

Mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-DHĐCD/CIAS ngày 23/4/2021: 360.000.000 đồng.

Mức thù lao HĐQT đề xuất quyết toán năm 2021:

- Số tiền: **180.000.000 đồng.**
- Số tiền bằng chữ: *Một trăm tám mươi triệu đồng.*

II. Phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022:

HĐQT Công ty đề xuất áp dụng mức thù lao đối với HĐQT và BKS Công ty năm 2022:

- Số tiền: **720.000.000 đồng.**
- Số tiền bằng chữ: *Bảy trăm hai mươi triệu đồng.*

Nguồn chi trả: Trích từ nguồn chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 theo kế hoạch (Sau khi được ĐHĐCD phê duyệt).

Nơi nhận:

- ĐHĐCD;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: TK HĐQT, VT.



Trương Minh Hoàng

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh;
- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐQT/CIAS ngày 02/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh,

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 xem xét và thông qua các nội dung sau:

1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) và kế hoạch đầu tư năm 2022

Theo Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

2. Ủy quyền cho HĐQT

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua và được toàn quyền quyết định các vấn đề có liên quan.
- Được toàn quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sản xuất kinh doanh; Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư, bao gồm cả việc quyết định điều chỉnh, bổ sung các danh mục và giá trị đầu tư, các dự án mới, tổng mức đầu tư của các dự án cho phù hợp với tình hình thực tế nhưng không vượt quá tổng giá trị đầu tư năm 2022 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Được toàn quyền quyết định việc huy động vốn (hình thức, phương thức và giá trị huy động vốn) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.
- HĐQT có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ các nội dung điều chỉnh trong phiên họp gần nhất.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: TK HĐQT, VT.



Trương Minh Hoàng

PHỤ LỤC

(Đính kèm Tờ trình số 04/2022/TTr-HĐQT/CIAS ngày 2./.6/2022)

1. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty mẹ CIAS

Bảng 1 – Chỉ tiêu kế hoạch SXKD riêng năm 2022

(ĐVT: 1.000 đồng)

TT	CHỈ TIÊU	TH2021	KH2022	KH2022/TH2021
1	Tổng doanh thu	28.519.802	64.903.802	227,57%
2	Tổng chi phí	66.888.621	71.672.902	107,15%
3	Lợi nhuận trước thuế	(38.368.818)	(6.769.100)	17,64%
3.1	Lợi nhuận trước thuế chưa TLDP tài chính	(8.372.609)	42.261	-
3.2	Lợi nhuận trước thuế đã bao gồm TLDP tài chính	(38.368.818)	(6.769.100)	17,64%
4	Lợi nhuận sau thuế	(30.695.054)	(6.769.100)	22,05%

2. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD hợp nhất năm 2022

Bảng 2 – Chỉ tiêu kế hoạch SXKD hợp nhất năm 2022

(ĐVT: 1.000 đồng)

TT	CHỈ TIÊU	TH2021	KH2022	KH2022/TH2021
1	Tổng doanh thu	43.501.540	155.800.829	358,1%
2	Tổng chi phí	95.491.076	165.210.356	173,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	(51.989.536)	(9.409.528)	18,10%
4	Lợi nhuận sau thuế	(50.406.992)	(9.485.128)	18,82%

3. Chỉ tiêu kế hoạch đầu tư năm 2022

Đại dịch COVID-19 đã tác động lớn đến kinh tế Việt Nam và trên toàn thế giới. Xác định tình hình kinh doanh năm 2022 sẽ có nhiều biến động, HĐQT Công ty nhận định việc quan trọng nhất trong năm 2021 là tập trung vào việc hoàn thiện các hạng mục đầu tư, cải tạo quầy kệ tại các sân bay nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và hình ảnh của CIAS đối với khách hàng, đầu tư vào thiết bị, dụng cụ quản lý nhằm giúp nâng cao năng suất lao động cho cán bộ nhân viên của Công ty.

Chỉ tiêu kế hoạch đầu tư năm 2022 của CIAS được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 3 – Chỉ tiêu kế hoạch đầu tư năm 2022 của công ty mẹ CIAS

(ĐVT: 1.000 đồng)

TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	TH2021	KH2022	KH2022/TH2021	GHI CHÚ
1	Cải tạo, sửa chữa bảo dưỡng các quầy kệ hiện có và đầu tư lắp đặt mới quầy kệ tại các sân bay mới	3.235.366	8.065.400	249%	
2	Chuyển tiếp đầu tư từ 2021: Dự án nhà ga hàng hóa và khu xử lý hàng hóa bưu kiện Giai đoạn 1	-	64.416.350	-	Chuyển tiếp đầu tư
3	Dự phòng đầu tư (5%)	-	3.624.087	-	
4	Tổng kế hoạch đầu tư	3.235.366	76.105.837	2352%	

Số: 08/2022/TTr-HĐQT/CIAS

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt giao dịch nội bộ giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh với Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn, thi hành;
- Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh;
- Văn bản số 01/2022/ASGA ngày 20/6/2022 về việc Đề nghị mua lại phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng Không của Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG (Công ty ASGA);
- Tình hình thực tế của Công ty,

Nhằm khắc phục tình trạng chứng khoán của Công ty CIAS bị đưa vào diện “chứng khoán bị kiểm soát”, đảm bảo lợi ích của Cổ đông và mục tiêu tái cấu trúc nguồn vốn, Công ty CIAS chủ trương thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (Công ty ASG) cho nhà đầu tư có chiến lược phát triển phù hợp và năng lực tài chính vững mạnh.

Ngày 21/6/2022, Hội đồng quản trị Công ty CIAS nhận được đề nghị chào mua phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng Không theo văn bản số 01/2022/ASGA ngày 20/6/2022 của Công ty ASGA.

Do vậy, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CIAS kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty CIAS tại Công ty ASG cho Công ty ASGA, nội dung cụ thể như sau:

1. Phê duyệt giao dịch nội bộ chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty CIAS tại Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng Không cho Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG (ASGA) là Cổ đông sở hữu 9.623.152 cổ phần CIA, tương đương 51,157% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ngày 24/5/2022, cụ thể:
 - Giá trị phần vốn góp chuyển nhượng: 51.000.000.000 đồng (Năm mươi một tỷ đồng), tương đương 75% vốn điều lệ của Công ty ASG;
 - Nguyên tắc thực hiện chuyển nhượng:
 - ✓ Giá chuyển nhượng: Đảm bảo không thấp hơn giá trị phần vốn góp và không thấp hơn giá chào bán cho thành viên góp vốn khác tại Công ty ASG;
 - ✓ Điều kiện chuyển nhượng: Đảm bảo các điều kiện theo Văn bản công bố thông tin số 50/2022.CIAS ngày 29/4/2022 của Công ty CIAS và không được thấp hơn điều kiện chào bán cho thành viên góp vốn khác tại Công ty ASG;
2. Thời gian chuyển nhượng dự kiến: Hoàn thành trong năm 2022.
3. Tổ chức thực hiện

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty CIAS toàn quyền chỉ đạo và quyết định các công việc sau:



- Quyết định Giá chuyển nhượng phần vốn góp, đảm bảo nguyên tắc về giá chuyển nhượng theo Mục 1, nêu trên;
- Quyết định Điều kiện chuyển nhượng phần vốn góp, đảm bảo nguyên tắc về điều kiện chuyển nhượng theo Mục 1, nêu trên;
- Quyết định nội dung Hợp đồng chuyển nhượng, các Phụ lục Hợp đồng chuyển nhượng và các văn bản, tài liệu liên quan đến việc chuyển nhượng, đảm bảo các quy định trong Điều lệ Công ty, pháp luật hiện hành trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Công ty, của Cổ đông và phù hợp với định hướng phát triển của Công ty;

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các CĐ;
- HĐQT; BKS;
- Lưu VT.



Số: 06/2022/TTr-HĐQT/CIAS

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ của Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh;
- Tình hình thực tế của Công ty,

Nhằm điều chỉnh một số nội dung của Điều lệ theo quy định mới của Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và mở rộng ngành nghề kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực du lịch, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CIAS kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua một số nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

1. **Thông qua sửa đổi một số nội dung của Điều lệ theo quy định mới của pháp luật**
Chi tiết nội dung sửa đổi theo Phụ lục 01 đính kèm.
2. **Thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh**
- Sửa đổi các ngành nghề kinh doanh như sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh hiện tại	Ngành nghề kinh doanh sau khi điều chỉnh
1	- Mã ngành: 7911 - Tên ngành: Đại lý du lịch (ngoại trừ dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài và dịch vụ lữ hành nội địa)	- Mã ngành: Không thay đổi - Tên ngành: Đại lý du lịch

STT	Ngành nghề kinh doanh hiện tại	Ngành nghề kinh doanh sau khi điều chỉnh
2	- Mã ngành: 7912 - Tên ngành: Điều hành tua du lịch (ngoại trừ dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài và dịch vụ lữ hành nội địa)	- Mã ngành: Không thay đổi. - Tên ngành: Điều hành tua du lịch

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh sau đây vào Phụ lục các ngành nghề kinh doanh của Công ty CIAS:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

- Phụ lục các ngành nghề kinh doanh của Công ty đính kèm Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung: *Phụ lục 02 đính kèm Tờ trình.*

3. Thông qua Điều lệ Công ty sau khi sửa đổi, bổ sung

Điều lệ Công ty đính kèm Tờ trình.

4. Tổ chức thực hiện

Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty tiến hành việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và hoàn thiện hồ sơ thông báo đến các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các CĐ;
- HĐQT; BKS
- Lưu VT.



Trương Minh Hoàng

PHỤ LỤC 01

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Kèm theo Tờ trình số 06 /2022TTr-HDQT/CIAS ngày 02/6/2022 của Hội đồng quản trị)

Stt	Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
1.	<p>CĂN CỨ VÀ PHẦN MỞ ĐẦU</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; - Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-DHĐCĐ/CIAS ngày 23/4/2021. 	<p>CĂN CỨ VÀ PHẦN MỞ ĐẦU</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); - Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh thông qua các nội dung sửa đổi theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-DHĐCĐ/CIAS ngày 24/06/2022. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 - Sửa theo Nghị quyết tại ĐHĐCĐ thường niên
	<p>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p>	<p>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p>	
2.	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p>	
	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 	

<p>d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p>	<p>ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);</p>
<p>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	
<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>3. Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp của Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>
<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc-thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi</p>
<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc-thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi</p>
<p>Bổ sung đề HĐQT có thể quyết định hình thức họp ĐHĐCĐ phù hợp với tình hình thực tế</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022</p>

	<p>đồng ưu đãi cùng loại dự hợp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự hợp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>
<p>5.</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong</p>
		<p>Sửa đề thống nhất cách gọi với tài liệu gửi kèm thư mời họp ĐHĐCĐ</p>

<p>kiểm soát;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu giấy ủy quyền;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>Sửa đổi để thống nhất các thông tin được yêu cầu cung cấp tại điểm c khoản 2 Điều 12 của Điều lệ và quy định tại khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>.....</p> <p>4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở</p>
<p>Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>.....</p> <p>4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở</p>	<p>Sửa theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15</p>	<p>Sửa theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15</p>

hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. **Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua Biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.** Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. **Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.** Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan. Nội dung được đa số

Sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15



	<p>thành viên dự họp tán thành tại Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
	<p>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</p>	
<p>8.</p>	<p>Điều 58. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh nhất trí thông qua ngày 23/4/2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 56. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục 58 điều đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-DHDCD/CIAS ngày 24/06/2022.</p>
		<p>Sửa đổi theo số Nghị quyết thông qua tại kỳ họp ĐHDCD thường niên</p>

PHỤ LỤC 02
CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH
(Kèm theo Tờ trình số 06 /2022TTr-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022 của Hội đồng quản trị)

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản - Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở	6810
3	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
4	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
7	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Không hoạt động tại trụ sở)	1104
8	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ	6492
9	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Đại lý vận tải bằng đường bộ, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo tuyến cố định theo hợp đồng bằng xe taxi, xe buýt	4931
10	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh. Vận tải hành khách đường bộ	4932
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng quán ăn, nhà hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường) - Dịch vụ cung cấp khẩu phần ăn trên máy bay. Dịch vụ cung cấp ăn uống theo hợp đồng	5610

STT	Tên ngành	Mã ngành
12	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
13	Đại lý du lịch	7911
14	Điều hành tua du lịch	7912
15	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
16	Quảng cáo (loại Nhà nước cho phép)	7310
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không - Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập, quá cảnh; - Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế; - Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa; - Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất: dịch vụ phục vụ hành khách, dịch vụ phục vụ hành lý, dịch vụ phục vụ kỹ thuật mặt đất hàng không, dịch vụ làm tài liệu, cân bằng trọng tải và hướng dẫn chát xếp cho các chuyến bay, dịch vụ phục vụ vệ sinh, cung cấp vật tư, vật phẩm lên máy bay, dịch vụ tìm kiếm và giao trả hành lý thất lạc, các dịch vụ khác liên quan đến phục vụ kỹ thuật mặt đất; - Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị hàng không; - Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không;	5223 (Chính)
18	Dịch vụ ăn uống khác	5629
19	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô	7710
20	Thu gom rác thải không độc hại	3811
21	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Không hoạt động tại trụ sở)	1075
22	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp	8299
23	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
24	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
25	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
26	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt (phòng hòa nhạc, nhà hát, hội trường, phòng cưới, trường quay, rạp chiếu phim); Máy móc thiết bị công trình.	7730

STT	Tên ngành	Mã ngành
27	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
28	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp	5225





ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22

N: 42
C
CỔ P
SẢN E
CA
Y RAN

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty.....	28
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	29
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	29
Điều 33. Người điều hành Doanh nghiệp.....	29
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc.....	29
IX. BAN KIỂM SOÁT	30
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	30
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát	30
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát	31
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	31
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát	32
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	32
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	32
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	33
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	34
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	34
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	34
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	34
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	34
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	34
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	35
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	35
Điều 47. Năm tài chính	35
Điều 48. Chế độ kế toán.....	35
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	36

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	36
Điều 50. Báo cáo thường niên	36
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	36
Điều 51. Kiểm toán	36
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	36
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp	36
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	36
Điều 53. Giải thể công ty	36
Điều 54. Gia hạn hoạt động	37
Điều 55. Thanh lý	37
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	37
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	37
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	38
Điều 57. Điều lệ này	38
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	38
Điều 58. Ngày hiệu lực	38
PHỤ LỤC I	39
PHỤ LỤC II	42

10
 37
 DỤC
 QUỠ
 AN
 KỶ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Các quy định có liên quan khác.

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh thông qua các nội dung sửa đổi theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/CIAS ngày 24/6/2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- e) Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- i) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- l) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;



- m) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAM RANH INTERNATIONAL AIRPORT SERVICES JOINT-STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: CIAS CO.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

- Điện thoại: 0258 626 5588

- Fax: 0258 626 6262

- E-mail: contact@cias.vn

- Website: www.cias.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty được thể hiện tại Phụ lục I đính kèm Điều lệ này
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 197.099.040.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi bảy tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 19.709.904 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200810665 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 14/01/2009. Căn cứ theo quy định Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục II đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.



6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
3. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, hội nghị trực tuyến, qua điện thoại hoặc các hình thức khác theo pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

10665
CÔNG TY
HỖ TRỢ
KINH DOANH
KHẨN

- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì đề cử số ứng cử viên còn lại. Thực hiện theo quy định tại điều 25, điều 37 điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp của Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. **Tùy vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến.**
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo

cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo tỷ lệ cụ thể sau:

- a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho 1 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp;
- b) Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa một (01) người dự họp Đại hội đồng cổ đông, từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa ba (03) người dự họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

10065
TY
DỊCH VỤ
ƯỚC T
ANH
KHAN

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện 65% **tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu giấy ủy quyền;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm: **họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.**

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần



thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.



4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Thông qua định hướng phát triển công ty;

b) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

c) Tổ chức lại, giải thể công ty.

0870
ING
ÁN D
AY QI
IR
4-T

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ này quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động công ty;

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% **tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.**

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ này;
 - b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - f) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - g) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - h) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày

trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các

CTC
M.S
CHH

thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có).

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm



giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành (Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống). Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị tối thiểu là 01 người.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ này quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- q) Yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
- r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

1066
 TY
 CH V
 UỐC T
 ANH
 KHAN

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;



- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua Biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

0810
ÔNG
HÀN D
HAY QI
MRU
VH-T

- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- f) Tuyển dụng lao động;
- g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:



- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với

các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.



XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
3. Hội đồng quản trị. Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;



c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng



quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ này

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục 58 điều đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/CIAS ngày 24/6/2022.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

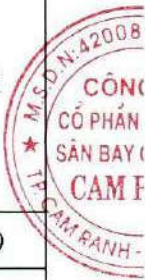


Trương Minh Hoàng

10665
CÔNG TY
DỊCH VỤ
QUỐC TẾ
CAM RANH
T. KHÁNH HÒA

PHỤ LỤC I
CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

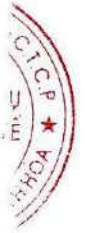
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản - Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở	6810
3	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
4	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
7	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Không hoạt động tại trụ sở)	1104
8	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ	6492
9	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Đại lý vận tải bằng đường bộ, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo tuyến cố định theo hợp đồng bằng xe taxi, xe buýt	4931
10	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh. Vận tải hành khách đường bộ	4932
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng quán ăn, nhà hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường) - Dịch vụ cung cấp khẩu phần ăn trên máy bay. Dịch vụ cung cấp ăn uống theo hợp đồng	5610



STT	Tên ngành	Mã ngành
12	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
13	Đại lý du lịch	7911
14	Điều hành tua du lịch	7912
15	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
16	Quảng cáo (loại Nhà nước cho phép)	7310
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không - Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập, quá cảnh; - Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế; - Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa; - Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất: dịch vụ phục vụ hành khách, dịch vụ phục vụ hành lý, dịch vụ phục vụ kỹ thuật mặt đất hàng không, dịch vụ làm tải liệu, cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp cho các chuyến bay, dịch vụ phục vụ vệ sinh, cung cấp vật tư, vật phẩm lên máy bay, dịch vụ tìm kiếm và giao trả hành lý thất lạc, các dịch vụ khác liên quan đến phục vụ kỹ thuật mặt đất; - Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị hàng không; - Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không;	5223 (Chính)
18	Dịch vụ ăn uống khác	5629
19	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô	7710
20	Thu gom rác thải không độc hại	3811
21	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Không hoạt động tại trụ sở)	1075
22	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp	8299
23	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
24	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
25	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
26	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt (phòng hòa nhạc, nhà hát, hội trường, phòng cưới, trường quay, rạp chiếu phim); Máy móc thiết bị công trình.	7730

10665
TY
DỊCH VỤ
NƯỚC
ANE
T. KHÁ

STT	Tên ngành	Mã ngành
27	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
28	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp	5225



PHỤ LỤC II

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

Stt	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần (*)	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số quyết định thành lập đối với tổ chức
1	Tổng công ty Cảng Hàng không Miền Trung	Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng, Phường Hoà Thuận Tây, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Phổ thông	510.000	5.100	51%	3206000159
2	Công ty cổ phần Nha Trang Taxi	01 Mê Linh, Phường Phước Tiến, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Phổ thông	200.000	2.000	20%	062705
3	Công ty cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	18 Trần Phú, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Phổ thông	100.000	1.000	10%	371032000098



(*): Số cổ phần của cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Số: 07/2022/TTr-HĐQT/CIAS

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung các Quy chế của Công ty theo quy định của pháp luật

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh;
- Tình hình thực tế của Công ty,

Nhằm điều chỉnh một số nội dung của Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư Công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án Dân sự, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CIAS kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua một số nội dung sửa đổi, bổ sung hai Quy chế nêu trên, cụ thể như sau:

1. **Thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định mới của pháp luật**
Chi tiết nội dung sửa đổi theo Phụ lục 01 đính kèm.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi sửa đổi: Đính kèm Tờ trình.

2. **Thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định mới của pháp luật**

Chi tiết nội dung sửa đổi theo Phụ lục 02 đính kèm.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi sửa đổi: Đính kèm Tờ trình.

3. **Tổ chức thực hiện**

Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty tiến hành việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng quy định.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các CĐ;
- HĐQT; BKS
- Lưu VT.



Trương Minh Hoàng

**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH**

(Kèm theo Tờ trình số 07 /2022TTtr-HDQT/CIAS ngày 02/6/2022 của Hội đồng quản trị)

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
1.	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 - Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-DHDCĐ/CIAS ngày 23/4/2021, 	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư Công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án Dân sự; - Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-DHDCĐ/CIAS ngày 24/6/2022. 	<p>Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022</p>
2.	<p>CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ công ty.</p>	<p>CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Các văn bản sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu có) và Điều 14, Điều 15 Điều lệ công ty.</p>	

<p>Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.</p>	<p>Sửa tương ứng với quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty</p>
<p>Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu giấy ủy quyền;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>Sửa theo quy định tại khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p>	<p>Sửa theo quy định tại khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.</p>	<p>Sửa theo quy định tại khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</p>	<p>Điều 16. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>

11/08/2022

<p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p>	<p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022</p>
<p>4. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022</p>
<p>6. Chưa quy định</p>	<p>6. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022</p>
<p>Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua Biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty</p>	<p>Sửa theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15</p>

7.	<p>Điều 93. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 08 Chương, 93 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh nhất trí thông qua ngày 23/4/2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.</p>	<p>và pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 93. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 08 Chương, 93 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh nhất trí thông qua ngày 24/6/2022 và có hiệu lực thi hành ngay.</p>	
----	---	--	--

**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH**
(Kèm theo Tờ trình số 07/2022TT-T-HĐQT/CIAS ngày 02/6/2022 của Hội đồng quản trị)

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
1.	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/CIAS ngày 23/4/2021;</p>	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư Công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án Dân sự</p> <p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/CIAS ngày 24/6/2022;</p>	<p>Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022</p>
2.	<p>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua Biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty</p>	<p>Sửa theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15</p>

3.	<p>Điều 25. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh bao gồm 07 chương, 25 điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/4/2021 và có hiệu lực thi hành ngay.</p>	<p>và pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 25. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh bao gồm 07 chương, 25 điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/6/2022 và có hiệu lực thi hành ngay.</p>	
----	--	--	--